

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

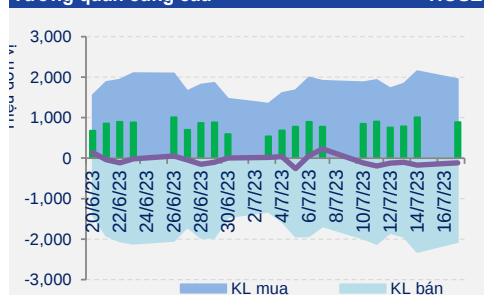
17/7/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

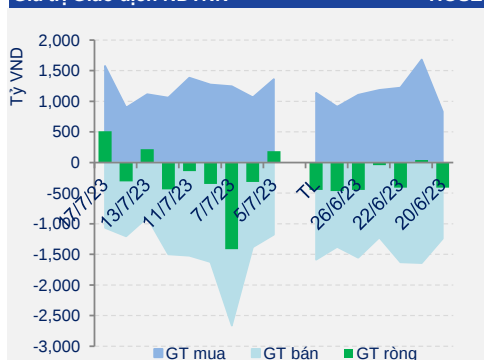
| Thông kê thị trường | HOSE          | HNX         |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index               | 1,173.13      | 230.95      |
| % Thay đổi          | ↑ 0.40%       | ↑ 0.33%     |
| KLGD (CP)           | 886,710,129   | 230,793,966 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 18,608.56     | 3,573.54    |
| Tổng cung (CP)      | 2,068,182,834 | 184,981,700 |
| Tổng cầu (CP)       | 1,951,347,682 | 164,970,100 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX       |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP)       | 36,030,900 | 919,314   |
| KL mua (CP)       | 47,314,800 | 3,609,600 |
| GT mua (tỷ đồng)  | 1,577.50   | 74.65     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 1,067.90   | 12.36     |
| GT ròng (tỷ đồng) | 509.60     | 62.30     |

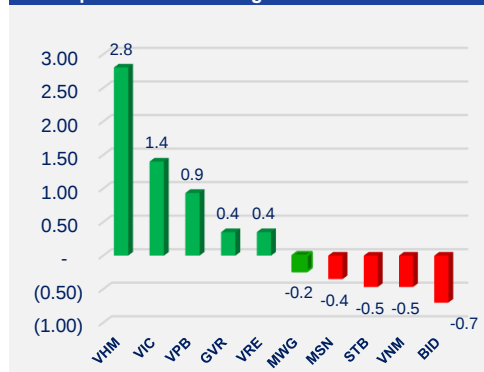
### Tương quan cung cầu



### Giá trị Giao dịch NĐTNN



### Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tiếp tục xu hướng tăng điểm tuần trước, VN-INDEX duy trì sự tích cực khi mở đầu phiên tăng điểm tốt hướng đến vùng giá 1.180 điểm. Áp lực rung lắc dần ra trong phiên tuy vậy kết phiên VN-INDEX tăng 4,73 điểm (+0,40%) lên mức 1.173,13 điểm, duy trì phiên tăng điểm thứ 7 liên tiếp. HNX-INDEX tăng 0,76 điểm (+0,33%) lên mức 230,95 điểm. Độ rộng thị trường trên hai sàn niêm yết duy trì tích cực với tổng cộng 371 mã tăng giá (21 mã tăng trần), mức độ phân hóa dần mạnh hơn với nhiều mã chịu áp lực chốt lãi gia tăng khi có 247 mã giảm giá (10 mã giảm sàn) và 129 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 22.182 tỷ đồng, giảm nhẹ so với phiên trước, duy trì vượt mức trung bình cho thấy dòng tiền vẫn đang cải thiện trở lại ở nhiều nhóm mã, điển hình như nhóm bất động sản, bảo hiểm... Nhà đầu tư nước ngoài sau nhiều phiên bán ròng khá mạnh đã mua ròng trở lại phiên hôm nay với giá trị 509,60 tỷ đồng, trong đó mua ròng tốt ở nhóm dịch vụ tài chính chứng khoán, bất động sản đã hỗ trợ tốt hơn đối với thị trường, mua ròng trên HNX với giá trị 62,30 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin tăng trưởng GDP quý II/2023 của Trung Quốc tăng 6,3% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn so với 4,5% của quý I/2023 nhưng lại thấp hơn dự báo. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên Trung Quốc lập đỉnh mới, ở mức 21,3% trong tháng 6/2023, tăng từ mức 20,4% của tháng 4.

Nhóm mã cổ phiếu bất động sản sau phiên tăng điểm cuối tuần tiếp tục có diễn biến rất tích cực, nhiều mã tăng giá, thanh khoản gia tăng mạnh như LDG (+6,94%), QCG (+6,92%), SCR (+4,99%), VHM (+4,61%), DXG (+3,49%), DIG (+3,35%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng có diễn biến khá tích cực với nhiều mã tăng giá tốt, vượt vùng giá đỉnh cũ với thanh khoản gia tăng như PVS (+2,35%), PVC (+1,59%), PVD (+1,19%), PVT (+0,63%)... ngoài các mã chịu áp lực bán sau nhịp tăng mạnh như CNG (-4,52%)...

Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su phân hóa hơn, đa số có diễn biến khá tích cực với GVR (+1,85%), CLX (+1,32%), SIP (+1,17%), PHR (+1,17%)... bên cạnh các mã chịu áp lực điều chỉnh như DTD (-2,52%), VGC (-1,39%), BCM (-1,11%)... Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng phân hóa, xu hướng tích cực tập trung chủ yếu vào nhóm cổ phiếu đầu ngành như SSI (+1,05%), HCM (+1,98%)... các mã có kỳ vọng kết quả kinh doanh cải thiện như VIX (+2,40%), SHS (+0,68%)..., trong khi đa phần chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình với PSI (-1,12%), BSI (-1,08%), VND (-1,08%), VCI (-1,05%)...

Nhóm ngân hàng phân hóa tích cực, trong khi STB (-3,45%) tiếp tục chịu áp lực bán mạnh thì đa số có diễn biến tăng điểm với thanh khoản cải thiện trên mức trung bình như PGB (+11,535%), EIB (+3,45%), VPB (+2,76%), LPB (+2,24%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 giảm 0,3 điểm (-0,03%), mức chênh lệch -2,78 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 22,68%, khối lượng mở OI bắt đầu giảm mạnh, cho thấy vị thế nắm giữ đảo hạn đang giảm khi sắp đáo hạn trong 03 phiên đến và bắt đầu gia tăng vị thế sang kỳ hạn VN30F2308. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2308, VN30F2309, VN30F2312 chênh lệch -4,58 điểm đến -20,48 điểm so với VN30. Xu hướng ngắn hạn của của kỳ hạn chính vẫn chưa đồng thuận với VN30. Cho thấy các trader duy trì lạc quan hơn với VN30, ưu tiên các vị thế mua ở VN30, gia tăng vị thế phòng ngừa rủi ro ở thị trường phái sinh.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường tiếp tục duy trì được đà tăng tích cực sau nỗ lực bùng nổ vượt cản mạnh cuối tuần trước, phiên hôm nay thị trường tăng điểm nhẹ toàn phiên nhưng cho thấy động lực tăng vẫn mạnh dù sự rung lắc vẫn đang diễn ra khi VN-Index tiến gần tới vùng kháng cự 1.180 điểm – 1.200 điểm. Trong ngắn hạn, vẫn có khả năng thị trường điều chỉnh để kiểm định lại vùng hỗ trợ 1.150 điểm – 1.155 điểm.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Ngưỡng cản 1.150 điểm đã được Vn-Index vượt qua trong tuần trước và đà tăng thị trường tiếp tục được duy trì phiên đầu tuần, điều này cho thấy động lực trong đà tăng của thị trường đang rất mạnh mẽ (như chúng tôi liên tục nhận định trong thời gian qua). Chốt phiên hôm nay VnIndex tăng +4,73 điểm (+0,40%) và đóng cửa ở 1.173,13 điểm tiếp tục thoát khỏi vùng trì kéo 1.150 điểm. Dù vậy khả năng thị trường sẽ có thêm các phiên rung lắc, rũ bỏ và test lại ngưỡng 1.150 điểm để tích lũy thêm nội lực cho đợt bứt phá dứt khoát vẫn có thể xảy ra.

Về góc nhìn Trung- Dài hạn thị trường đang trong sóng hồi trên nền tăng tích lũy rất tốt kéo dài trong 6 tháng đầu năm, thời gian qua VnIndex đã bứt phá để thoát nền và tạo ra những mô hình hồi phục ngắn hạn tin cậy, điều này tạo cơ sở cho khả năng trong trung hạn VnIndex còn có thể hình thành Uptrend.

Đà tăng của thị trường đang được duy trì nhưng trong ngắn hạn thị trường có thể có rủi ro điều chỉnh sau khi vượt cản, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư ngắn hạn giai đoạn hiện tại không nên mua đuổi ở các phiên tăng và nên duy trì danh mục hiện tại. Với nhà đầu tư trung, dài hạn chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị giải ngân trong thời gian vừa qua (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy) nên nếu cơ cấu tốt thì hiện tại hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ. Trong trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nhà đầu tư có thể tận dụng mua vào ở các nhịp điều chỉnh, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là gia tăng giải ngân trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

17/7/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua dự kiến<br>(1.000 đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                        |                        | Điều kiện giải ngân    |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|     |                          |                               |                           |                         | P/E             | T.trường Doanh thu TTM | T.trường Lợi nhuận TTM |                        |
| LCG | 14.00                    | 12.5-13.2                     | 15-15.5                   | 12                      | 17.5            | 33.6%                  | -79.2%                 | Theo dõi chờ giải ngân |
| POW | 13.35                    | 13.1-13.6                     | 16.5-17                   | 12                      | 18.3            | 5.1%                   | -26.0%                 | Theo dõi chờ giải ngân |
| EVE | 19.00                    | 18.5-19.5                     | 24-25                     | 17                      | 9.0             | -22.6%                 | -55.2%                 | Theo dõi chờ giải ngân |
| VOS | 13.35                    | 12.6-13.3                     | 15.2-16                   | 12                      | 3.7             | 29.1%                  | 31.1%                  | Theo dõi chờ giải ngân |

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Giá mua<br>(1.000đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------------|
| 9/3/23         | CSV | 37.6                     | 26.4                | 40-42                     | 37                      | 42.4%               | Nắm giữ                    |
| 30/3/23        | BVS | 25.9                     | 18                  | 24-26                     | 24.5                    | 43.9%               | Nắm giữ                    |
| 31/3/23        | PTB | 53.5                     | 40                  | 52-54                     | 52                      | 33.8%               | Nắm giữ                    |
| 28/4/23        | PVS | 34.8                     | 25.1                | 33-34                     | 32                      | 38.6%               | Nắm giữ                    |
| 11/5/23        | PVP | 14.3                     | 12.75               | 18-18.5                   | 14                      | 12.2%               | Nắm giữ                    |
| 19/5/23        | DPR | 62.5                     | 54.8                | 65-67                     | 60                      | 14.1%               | Nắm giữ                    |
| 7/6/23         | KBC | 30.9                     | 28.05               | 34-35                     | 29.5                    | 10.0%               | Nắm giữ                    |
| 21/6/23        | GMD | 56.9                     | 51                  | 62-64                     | 55                      | 11.6%               | Nắm giữ                    |
| 7/12/23        | DCM | 28.1                     | 27.75               | 31-32                     | 27                      | 1.1%                | Nắm giữ                    |

**TIN VĨ MÔ**

**Trung Quốc báo cáo GDP quý II gây thất vọng, tỷ lệ thất nghiệp trong giới trẻ lập kỷ lục mới**

Hôm 17/7, dữ liệu do Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) công bố cho thấy GDP quý II tăng trưởng 6,3% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn ước tính 7,3% của các nhà phân tích mà Reuters khảo sát. So với quý liền kề, GDP quý II chỉ tăng 0,8%, thấp hơn tốc độ 2,2% ghi nhận trong ba tháng đầu năm 2023. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp của những người trong độ tuổi từ 16 đến 24 lại leo lên 21,3% trong tháng 6, đánh dấu mức cao nhất từ trước đến nay.

**Quảng Ninh đầu tư thêm 4 tuyến đường gần 6.200 tỷ đồng**

4 dự án đầu tư công thuộc ngân sách tỉnh Quảng Ninh, triển khai trên địa bàn vùng cao TP Hạ Long và TX Đông Triều theo nghị quyết số 150/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ninh. Tổng nguồn vốn tối đa là 6.172 tỷ đồng, thực hiện từ năm 2023 đến năm 2027.

**Vương quốc Anh ký thỏa thuận gia nhập CPTPP**

Sáng nay (16/07), tại Auckland, New Zealand, Bộ trưởng Kinh doanh và Thương mại Anh Kemi Badenoch đã chính thức ký thỏa thuận gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Việc ký kết thỏa thuận gia nhập đã đưa Vương quốc Anh chính thức trở thành thành viên của khối thương mại hiện đại và đầy tham vọng, bao gồm 12 nền kinh tế trên khắp khu vực châu Á, Thái Bình Dương và giờ là châu Âu.

**Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Long Đức 3 quy mô 244,5ha**

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Long Đức 3 thực hiện tại xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, với quy mô sử dụng đất là 244,5ha; vốn đầu tư 1.800 tỷ đồng, trong đó vốn góp của nhà đầu tư 270 tỷ đồng...

**TIN DOANH NGHIỆP**

**Doanh thu tháng 6 của Vĩnh Hoàn giảm 20% so cùng kỳ**

Theo báo cáo kết quả kinh doanh tháng 6 của CTCP Vĩnh Hoàn (HOSE: VHC), tổng doanh thu Công ty đạt 846 tỷ đồng, giảm 11% so với tháng trước và giảm 20% so với cùng kỳ. Xét về cơ cấu doanh thu theo ngành hàng, mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất là cá tra đạt 475 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ.

**Gang thép Thái Nguyên (TIS) báo lỗ quý thứ 4 liên tiếp**

Trong quý II/2023, doanh thu thuần Công ty đạt 1.946,4 tỷ đồng, giảm 39% so với quý II/2022. Do kinh doanh dưới giá vốn (1.970,3 tỷ đồng), TIS lỗ gộp xấp xỉ 24 tỷ đồng trong kỳ. Kết quả, TIS lỗ sau thuế 98 tỷ đồng trong quý II/2023, trong khi cùng kỳ năm ngoái lãi gần 4 tỷ đồng. Công ty cho biết kết quả này do giá bán giảm mạnh, trong khi giá nguyên liệu đầu vào (phôi, thép phế) giảm chậm, đồng thời tổng các chi phí tăng so với cùng kỳ. Như vậy, đây là quý lỗ thứ 4 liên tiếp của TIS kể từ quý III/2022.

**VIC tăng gấp ba lần vốn đầu tư dự án Vinpearl Golf Hải Phòng lên gần 56 ngàn tỷ**

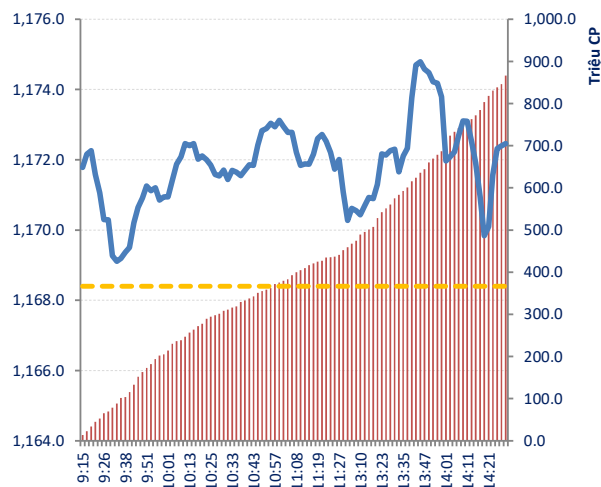
Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chấp thuận điều chỉnh dự án khu vui chơi, giải trí, nhà ở và công viên sinh thái đảo Vũ Yên do Tập đoàn VINGROUP - CTCP (HOSE: VIC) làm chủ đầu tư theo hướng tăng vốn, bổ sung đất xây biệt thự, nhà liền kề và tăng dân số dự án. Chủ đầu tư dự án đề xuất tăng tổng vốn đầu tư dự án từ gần 18,793 tỷ đồng lên 55,870 tỷ đồng, tăng gần 3 lần so với tổng vốn đầu tư ban đầu.

**Công ty bảo hiểm đầu tiên công bố báo cáo tài chính, lãi quý II gấp đôi cùng kỳ**

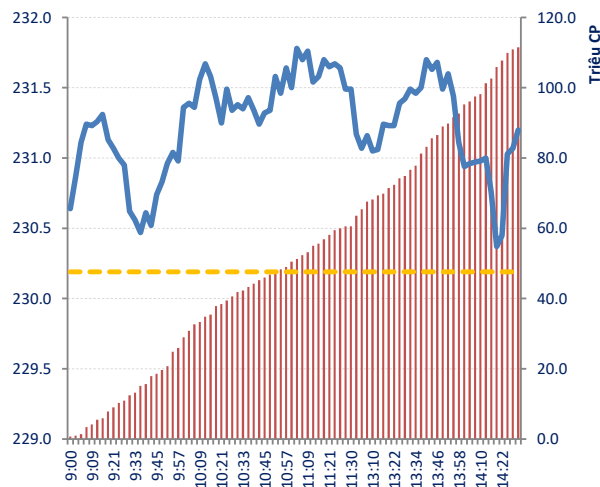
Trong quý II, lợi nhuận trước thuế của ABIC đạt 105,8 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ năm trước, nhờ lãi thuần từ hoạt động tài chính tăng mạnh và chi phí bồi thường bảo hiểm giảm. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, lợi nhuận trước thuế của ABIC đạt 194,3 tỷ đồng, tăng 56,6% so với cùng kỳ, lãi sau thuế đạt 155,3 tỷ đồng.

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

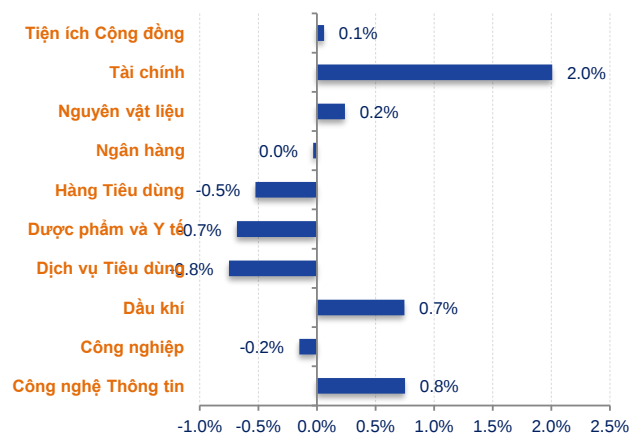
**KLGD và VN-Index trong phiên**



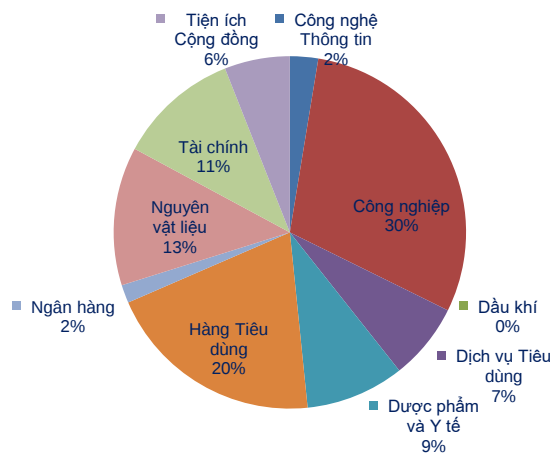
**KLGD và HNX-Index trong phiên**



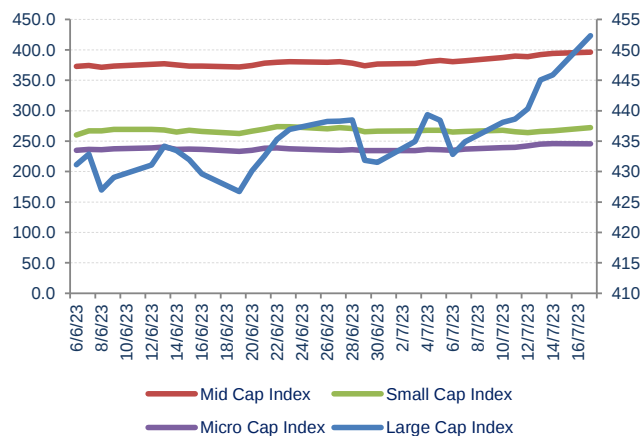
**Biến động giá phân theo nhóm Ngành**



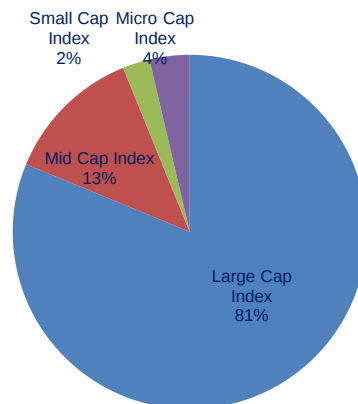
**Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành**



**Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa**



**Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa**



**Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:**

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | SSI   | 4,514,000   | VPB   | 5,064,500   |
| 2  | VHM   | 3,091,800   | STB   | 1,776,900   |
| 3  | NVL   | 2,643,000   | CTG   | 1,763,700   |
| 4  | HCM   | 1,714,800   | POW   | 928,300     |
| 5  | VIC   | 992,100     | EIB   | 753,000     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | TNG   | 1,301,300   | SVN   | 500,000     |
| 2  | SHS   | 957,000     | NVB   | 50,000      |
| 3  | CEO   | 487,500     | TTH   | 31,000      |
| 4  | MBS   | 304,800     | NBC   | 30,000      |
| 5  | PVS   | 181,010     | KSQ   | 20,400      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| DIG | 22.40      | 23.15    | ↑ 3.35%  | 47,533,300 |
| STB | 29.00      | 28.00    | ↓ -3.45% | 41,755,401 |
| VPB | 19.90      | 20.45    | ↑ 2.76%  | 41,658,102 |
| NVL | 15.15      | 15.35    | ↑ 1.32%  | 36,932,900 |
| VIX | 12.50      | 12.80    | ↑ 2.40%  | 27,119,600 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHS | 14.60      | 14.70    | ↑ 0.68%  | 17,430,145 |
| CEO | 21.20      | 20.90    | ↓ -1.42% | 11,554,001 |
| PVS | 34.00      | 34.80    | ↑ 2.35%  | 6,335,541  |
| HUT | 20.50      | 20.60    | ↑ 0.49%  | 4,537,750  |
| MBG | 5.70       | 5.90     | ↑ 3.51%  | 4,503,768  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| LEC | 6.01       | 6.43     | 0.42 | ↑ 6.99% |
| LGL | 4.44       | 4.75     | 0.31 | ↑ 6.98% |
| HAR | 4.47       | 4.78     | 0.31 | ↑ 6.94% |
| HTN | 15.15      | 16.20    | 1.05 | ↑ 6.93% |
| LDG | 5.19       | 5.55     | 0.36 | ↑ 6.94% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| QTC | 10.30      | 11.30    | 1.00 | ↑ 9.71% |
| PIA | 25.80      | 28.30    | 2.50 | ↑ 9.69% |
| BPC | 9.50       | 10.40    | 0.90 | ↑ 9.47% |
| SDU | 22.00      | 24.00    | 2.00 | ↑ 9.09% |
| TTH | 3.30       | 3.60     | 0.30 | ↑ 9.09% |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| NO1 | 7.77       | 7.24     | -0.53 | ↓ -6.82% |
| MDG | 14.70      | 13.70    | -1.00 | ↓ -6.80% |
| HUB | 21.40      | 20.05    | -1.35 | ↓ -6.31% |
| VID | 6.00       | 5.70     | -0.30 | ↓ -5.00% |
| CNG | 31.00      | 29.60    | -1.40 | ↓ -4.52% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %         |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| NTH | 59.00      | 53.10    | -5.90 | ↓ -10.00% |
| BDB | 15.00      | 13.50    | -1.50 | ↓ -10.00% |
| BXH | 15.10      | 13.60    | -1.50 | ↓ -9.93%  |
| PJC | 22.20      | 20.00    | -2.20 | ↓ -9.91%  |
| PHN | 42.40      | 38.20    | -4.20 | ↓ -9.91%  |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| DIG | 47,533,300 | 2.2%  | 276   | 81.3  | 1.7 |
| STB | 41,755,401 | 14.9% | 3,006 | 9.6   | 1.3 |
| VPB | 41,658,102 | 11.8% | 1,796 | 11.1  | 1.3 |
| NVL | 36,932,900 | 1.8%  | 414   | 36.6  | 0.7 |
| VIX | 27,119,600 | 0.7%  | 81    | 154.7 | 0.9 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE  | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------------|------|-------|-------|-----|
| SHS | 17,430,145 | 2.1% | 224   | 65.1  | 1.2 |
| CEO | 11,554,001 | 7.5% | 1,057 | 20.1  | 1.5 |
| PVS | 6,335,541  | 5.6% | 1,498 | 22.7  | 1.2 |
| HUT | 4,537,750  | 1.3% | 146   | 140.5 | 1.8 |
| MBG | 4,503,768  | 6.2% | 697   | 8.2   | 0.5 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| LEC | ↑ 7.0% | -3.6% | (570) | -    | 0.4 |
| LGL | ↑ 7.0% | 1.4%  | 182   | 24.3 | 0.3 |
| HAR | ↑ 6.9% | -3.1% | (345) | -    | 0.4 |
| HTN | ↑ 6.9% | 1.7%  | 304   | 49.8 | 0.9 |
| LDG | ↑ 6.9% | -2.1% | (267) | -    | 0.4 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|--------|-------|-------|-------|-----|
| QTC | ↑ 9.7% | 3.5%  | 537   | 19.2  | 0.7 |
| PIA | ↑ 9.7% | 19.2% | 3,095 | 8.3   | 1.5 |
| BPC | ↑ 9.5% | 0.8%  | 186   | 51.2  | 0.4 |
| SDU | ↑ 9.1% | 0.5%  | 92    | 239.7 | 1.3 |
| TTH | ↑ 9.1% | -0.1% | (16)  | -     | 0.3 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| SSI | 4,514,000 | 6.9%  | 1,035 | 27.5 | 1.9 |
| VHM | 3,091,800 | 24.9% | 8,269 | 6.8  | 1.5 |
| NVL | 2,643,000 | 1.8%  | 414   | 36.6 | 0.7 |
| HCM | 1,714,800 | 8.7%  | 1,517 | 20.0 | 1.7 |
| VIC | 992,100   | 5.1%  | 1,800 | 28.6 | 1.5 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| TNG | 1,301,300 | 17.8% | 2,666 | 7.5  | 1.3 |
| SHS | 957,000   | 2.1%  | 224   | 65.1 | 1.2 |
| CEO | 487,500   | 7.5%  | 1,057 | 20.1 | 1.5 |
| MBS | 304,800   | 10.0% | 1,199 | 17.0 | 1.7 |
| PVS | 181,010   | 5.6%  | 1,498 | 22.7 | 1.2 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 496,914 | 23.2% | 6,533 | 16.1 | 3.4 |
| VHM | 245,586 | 24.9% | 8,269 | 6.8  | 1.5 |
| BID | 236,486 | 19.7% | 3,972 | 11.8 | 2.2 |
| VIC | 196,036 | 5.1%  | 1,800 | 28.6 | 1.5 |
| GAS | 189,481 | 24.1% | 7,689 | 12.9 | 2.9 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| PVS | 16,251  | 5.6%  | 1,498 | 22.7 | 1.2 |
| IDC | 14,586  | 34.3% | 6,675 | 6.6  | 2.3 |
| THD | 13,825  | 4.0%  | 672   | 58.7 | 2.3 |
| KSF | 12,030  | 4.9%  | 1,094 | 36.7 | 1.8 |
| SHS | 11,872  | 2.1%  | 224   | 65.1 | 1.2 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

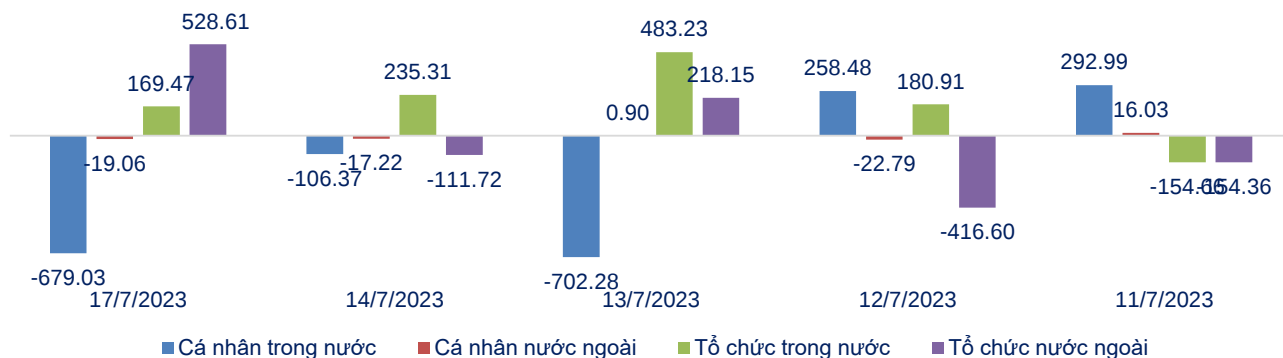
| Mã  | Beta | ROE   | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|------|-------|---------|------|-----|
| DRH | 3.45 | -0.4% | (48)    | -    | 0.6 |
| DXG | 3.30 | -1.5% | (355)   | -    | 0.7 |
| IBC | 3.00 | -5.6% | (1,044) | -    | 0.1 |
| PDR | 2.91 | 9.7%  | 1,321   | 14.3 | 1.5 |
| EVG | 2.81 | 0.9%  | 113     | 57.2 | 0.5 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------|--------|---------|-------|-----|
| API | 2.95 | 8.2%   | 921     | 6.6   | 0.5 |
| APS | 2.90 | -44.5% | (5,589) | -     | 0.5 |
| SDA | 2.80 | 0.3%   | 31      | 271.8 | 1.0 |
| IDJ | 2.78 | 8.0%   | 901     | 6.1   | 0.5 |
| KSQ | 2.64 | -20.9% | (2,031) | -     | 0.3 |

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



### Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | 60.36   | 11.8% | 1,796 | 11.1 | 1.3 |
| VNM | 56.88   | 23.5% | 3,881 | 18.9 | 4.4 |
| CTG | 28.44   | 15.9% | 3,548 | 8.4  | 1.3 |
| PLX | 21.28   | 6.8%  | 1,464 | 27.9 | 1.9 |
| GMD | 20.22   | 11.5% | 3,064 | 18.6 | 2.1 |

### Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VHM | -185.39 | 24.9% | 8,269 | 6.8  | 1.5 |
| SSI | -138.54 | 6.9%  | 1,035 | 27.5 | 1.9 |
| PNJ | -71.37  | 21.5% | 5,368 | 14.6 | 2.8 |
| VIC | -51.77  | 5.1%  | 1,800 | 28.6 | 1.5 |
| HCM | -48.38  | 8.7%  | 1,517 | 20.0 | 1.7 |

### Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MSN | 8.24    | 5.9%  | 1,537 | 53.2 | 3.1 |
| STB | 4.77    | 14.9% | 3,006 | 9.6  | 1.3 |
| SSI | 3.20    | 6.9%  | 1,035 | 27.5 | 1.9 |
| AST | 3.05    | 15.7% | 1,561 | 38.5 | 5.5 |
| CRE | 1.36    | 0.9%  | 118   | 75.2 | 0.7 |

### Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã       | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|----------|---------|-------|-------|-------|-----|
| LPB      | -11.19  | 18.7% | 2,658 | 5.9   | 1.1 |
| FUEVFVND | -8.06   | N/A   | N/A   | N/A   | N/A |
| HPG      | -3.22   | 0.7%  | 114   | 240.8 | 1.7 |
| NVL      | -2.78   | 1.8%  | 414   | 36.6  | 0.7 |
| KBC      | -2.47   | 11.2% | 2,620 | 11.8  | 1.3 |

### Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | 43.09   | 11.8% | 1,796 | 11.1 | 1.3 |
| MBB | 41.30   | 23.1% | 3,961 | 4.7  | 1.0 |
| STB | 40.72   | 14.9% | 3,006 | 9.6  | 1.3 |
| FPT | 38.13   | 22.2% | 4,393 | 17.8 | 3.2 |
| PNJ | 29.67   | 21.5% | 5,368 | 14.6 | 2.8 |

### Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VNM | -123.44 | 23.5% | 3,881 | 18.9 | 4.4 |
| VCB | -47.45  | 23.2% | 6,533 | 16.1 | 3.4 |
| TCB | -14.51  | 17.2% | 5,446 | 5.9  | 1.0 |
| GMD | -12.09  | 11.5% | 3,064 | 18.6 | 2.1 |
| DPG | -11.34  | 15.4% | 5,264 | 7.5  | 1.1 |

### Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VHM | 179.15  | 24.9% | 8,269 | 6.8  | 1.5 |
| SSI | 127.72  | 6.9%  | 1,035 | 27.5 | 1.9 |
| VNM | 66.01   | 23.5% | 3,881 | 18.9 | 4.4 |
| HCM | 53.53   | 8.7%  | 1,517 | 20.0 | 1.7 |
| VIC | 52.11   | 5.1%  | 1,800 | 28.6 | 1.5 |

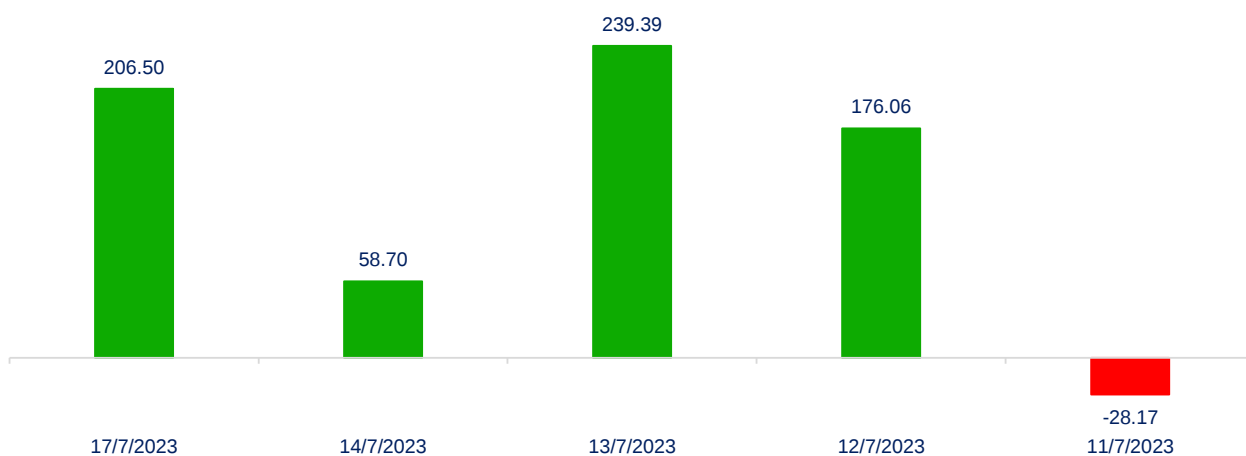
### Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | -103.46 | 11.8% | 1,796 | 11.1 | 1.3 |
| STB | -55.03  | 14.9% | 3,006 | 9.6  | 1.3 |
| CTG | -52.02  | 15.9% | 3,548 | 8.4  | 1.3 |
| MSN | -18.62  | 5.9%  | 1,537 | 53.2 | 3.1 |
| EIB | -15.57  | 14.8% | 2,030 | 10.0 | 1.4 |

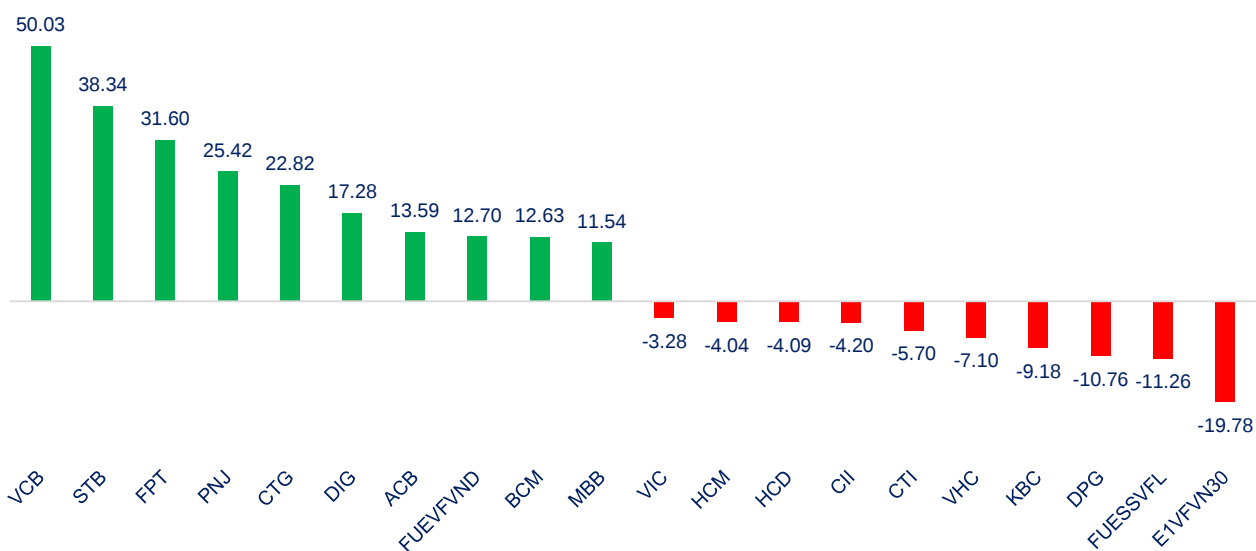


## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)